

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 638/2023/HS-PT

Ngày: 29-12-2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông **Trương Công Thi.**

*Các Thẩm phán:* ông **Nguyễn Cường.**

ông **Phạm Văn Hợp.**

**- Thư ký phiên tòa:** ông **Phạm Minh Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông **Quách Đức Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 492/2023/TLPT-HS ngày 11 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Trần Minh T về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và bị cáo Trần Minh P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2023/HS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

**- Các bị cáo có kháng cáo:**

**1.** Trần Minh T (tên gọi khác: L), sinh ngày 02 tháng 10 năm 1989, tại: Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố H, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Minh H, sinh năm 1965 và bà Mai Thị Thu T1, sinh năm 1971; vợ: Trần Thị H1, sinh năm 1993 (đã ly hôn); có 01 con, sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 13/11/2006, bị Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Trị (nay là thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị) ra Quyết định đưa vào Trường G - Cục C1 - Bộ C2 thời hạn 24 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 01/8/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xử phạt 42 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 02/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xử phạt 05 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Trị từ ngày 22/9/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Minh P** (tên gọi khác: T2), sinh ngày 12 tháng 12 năm 1994, tại: Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố B, phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ học vấn: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông Trần Minh C, sinh năm 1971 (đã chết) và con bà Trần Thị Mỹ H2, sinh năm 1977; vợ: Lê Thị Ánh H3, sinh năm 1995 (đã ly hôn); có 01 con, sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Bị cáo có 02 tiền án:

- Ngày 11/7/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 25/6/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của bản án ngày 11/7/2018, Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Nhân thân: Ngày 28/8/2013, bị Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Trị xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại bằng hình thức phạt tiền 500.000 đồng.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Trị từ ngày 21/9/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo:**

- Ông Võ Ngọc M - Luật sư thuộc Văn phòng L1; địa chỉ: D, B, Đ, Quảng Trị là người bào chữa cho bị cáo Trần M, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Khánh T3 - Luật sư thuộc Văn phòng L2 và Cộng sự; địa chỉ: A, H, Đ, Quảng Trị là người bào chữa cho bị cáo Trần Minh T, có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Bà Lê Thị H4; địa chỉ: Khu phố H, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

- **Những người tham gia tố tụng khác:**

**Người làm chứng:** Ông Lê Sơn Vũ Q; địa chỉ: Khu phố B, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:*

Khoảng 10 giờ ngày 20/9/2022, Trần Minh T đang ở nhà tại khu phố H, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị thì một người đàn ông tên T4 (không rõ

*lai lịch, địa chỉ cụ thể*) dùng số điện thoại 0328574083 gọi vào số điện thoại 0949816318 của T đặt vấn đề thuê T vận chuyển 07 “tám” ma túy tổng hợp thường gọi là hồng phiến (khoảng 42.000 viên), với tiền công 10.000.000 đồng, T đồng ý. T4 thông báo cho T biết tối cùng ngày sẽ có người đưa ma túy về giao, yêu cầu T chú ý điện thoại để nhận cuộc gọi của người giao ma túy, sau khi nhận được ma túy thì T4 sẽ liên lạc đưa số điện thoại của người nhận để T liên lạc, giao ma túy cho người nhận rồi lấy tiền công 10.000.000đ từ người nhận ma túy.

Khoảng 21 giờ 40 phút cùng ngày, một người đàn ông (*không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể*) sử dụng thuê bao di động số 0886469227 liên lạc đến số điện thoại 0949816318 của T, yêu cầu T đến cầu K (Phường C, thành phố Đ) nhận ma túy. Sau đó, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu đen, gắn kiểm soát 74C1-456.81, đi từ nhà đến cầu K. Tại đây, T gặp 02 người đàn ông (*không rõ lai lịch, địa chỉ*) đang ngồi trên một xe mô tô (*không rõ loại xe, biển kiểm soát*) dừng ở khu vực giữa cầu K. Người đàn ông ngồi phía sau xe giao cho T 01 gói màu đen, T biết bên trong là ma túy hồng phiến mà T4 thuê T vận chuyển. Nhận ma túy xong, T để lên vị trí đặt chân của xe 74C1-456.81 rồi điều khiển xe mô tô quay về nhà đợi T4 liên lạc như thỏa thuận trước đó. Trên đường về, T phát hiện có người phía sau, nghi ngờ có người theo dõi nên T không quay về nhà mà điều khiển xe đến nhà Trần Minh P tại số A đường H, khu phố B, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Đến nơi, T lấy gói ma túy giấu vào một chiếc sọt bằng nhựa, loại dùng để đựng hàng hóa, đặt cạnh chân am thờ ở sân nhà P rồi lấy một cái rổ bằng nhựa đặt lên phía trên chiếc sọt. Giấu ma túy xong, T dắt xe mô tô 74C1-456.81 vào nhà P thì gặp Lê Sơn Vũ Q (*trú tại: khu phố B, Phường A, thành phố Đ*), T nói dối Q là T bị Công an cơ động đuổi để đo nồng độ cồn và nhờ Q mở cửa nhà P để T cất xe, Quyền mở cửa cho T dắt xe mô tô 74C1-456.81 vào nhà P. Sau đó, T đi bộ ra khỏi nhà P đến quán cô ruột của T cách đó khoảng 200-300m để mua thuốc hút rồi quay lại nhà P lấy xe mô tô đi loanh quanh một số tuyến đường tại Phường A, thành phố Đ chờ liên lạc của T4.

Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, do lo sợ có người phát hiện ma túy mà T cất giấu tại nhà P nên T điện thoại liên lạc đến số thuê bao 0944816318 của P, nói cho P biết T có cất một gói “đồ” ở chiếc sọt nhựa gần am thờ trước sân nhà, nhờ P cất giữ giúp. Thời điểm này, Trần Minh P đang ở nhà nên sau khi nhận điện thoại của T, P đi ra khu vực am thờ trước sân nhà mình thì thấy một cái rổ nhựa màu xanh úp trên một gói ni lông màu đen, có mùi đặc trưng của ma túy tổng hợp loại thường gọi là hồng phiến. P biết rõ bên trong gói nylon nêu trên có ma túy tổng hợp loại thường gọi là hồng phiến nhưng không rõ số lượng. Sau khi kiểm tra, P quay vào phòng ngủ nằm chơi điện thoại. Một lúc sau, T lái xe mô tô quay lại nhà P và bảo P đi ra ngoài đường xem có người nào theo dõi T không, P đồng ý và làm theo lời T. Khi P đi ra khỏi nhà, T đến vị trí am thờ lấy gói ma túy rồi đem vào phòng ngủ của P cất vào một thùng giấy catton đựng áo quần. Sau đó, T đi ra ngoài sân nhà chờ P. Khoảng 05 phút sau, P đi về, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH biển số 74C1-456.81 đi ra cổng và nói với P “tau cất gói đồ trong phòng á, giữ giùm tau với, đó tau lấy”, rồi chạy xe đi. P biết T đã đưa gói ma túy tại am thờ cất giấu vào trong phòng ngủ của P. Sau đó, P vào phòng ngủ nằm chơi game. Đến khoảng 22 giờ 50 phút cùng ngày, lực lượng chức năng kiểm tra phát

hiện bắt người phạm tội quả tang đối với P về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thu giữ nhiều viên nén màu hồng, màu xanh hình trụ tròn, trên mỗi viên nén có ký hiệu WY (sau khi tạm giữ được niêm phong trong 01 hộp giấy, ký hiệu M).

Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, T chạy xe quay lại nhà P. Khi đến gần, thấy có nhiều người nên T nghĩ đã có người phát hiện gói ma túy. T chạy xe tới nhà bạn tên “Méo” ở N, xã T, huyện C, tỉnh Quảng Trị gửi xe tại đây rồi gọi điện cho bạn gái tên Lê Thị H4, sinh năm 1993, trú tại khu G, phường E, thành phố Đ nói T phải đi Đà Nẵng có việc, gửi xe tại nhà M1 để H4 sáng mai đến lấy xe. Sau đó, T bắt xe taxi đi vào Đà Nẵng. Khi đến địa phận tỉnh Thừa Thiên Huế, T tháo sim có số thuê bao 0949389207 (số đã liên lạc với T4 và P) ra khỏi máy điện thoại hiệu Nokia của mình rồi vứt bỏ sim cùng điện thoại bên lề đường. Đến ngày 22/9/2022, T nhận thức thấy hành vi phạm tội của mình không thể trốn tránh nên đã đến Công an thành phố Đ đầu thú.

Quá trình bắt người phạm tội đã thu giữ vật chứng gồm:

\* Thu giữ đối với Trần Minh P: 02 túi ni lông màu đen, kích thước (21x30x24)cm; 01 túi ni lông được quấn băng keo, kích thước (21x30x24)cm; 210 túi ni lông màu xanh dạng túi zip, kích thước (9x7,3)cm; 05 gói màu trắng, trên bề mặt mỗi gói có chữ Y1 màu xanh, kích thước (19,5x14x4,5)cm; 05 túi được quấn bởi băng keo trong suốt, kích thước mỗi túi (19,5x14x4,5)cm; 15 gói ni lông trong suốt, kích thước mỗi gói (13,5x6,2x4,5)cm; 15 lớp giấy màu trắng; 105 sợi dây cao su màu vàng; 01 điện di động hiệu Redmi Note10 5G màu xanh dương, có gắn sim số thuê bao 0944816318.

\* Thu giữ đối với Trần Minh T: 01 điện di động hiệu Iphone 11 Promax, màu xanh, có gắn sim số thuê bao 0879136944; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu đen, kiểm soát 74C1-456.81.

Tại bản Kết luận giám định số 1016/KL-KTHS ngày 26/9/2022 của Phòng K Công an tỉnh Quảng Trị, kết luận: “*Các viên nén màu hồng được niêm phong trong thùng giấy ký hiệu M gửi đến giám định có tổng khối lượng 4.279,34gam là ma túy loại Methamphetamine. Các viên nén màu xanh trong thùng giấy niêm phong ký hiệu M gửi đến giám định có tổng khối lượng 36,15 gam, không tìm thấy chất ma túy, tiền chất ma túy dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy trong các viên nén này.*”

*Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT: 323 Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.*”

Tại bản Cáo trạng số 43/CT-VKS-P1 ngày 12/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố bị cáo Trần Minh Tâm về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Minh P về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 249 Bộ luật Hình sự;

***Từ những nội dung đã xác định nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2023/HS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:***

1. Tuyên bố bị cáo Trần Minh T (L) phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, bị cáo Trần Minh P (Trọc) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 40 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Trần Minh T (**Lèo**) Tử hình, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Trần Minh P (**Trọc**) 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 21/9/2022.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21 và ngày 28/8/2023, các bị cáo Trần Minh T và bị cáo Trần Minh P đều có đơn kháng cáo, nội dung kháng cáo của bị cáo Trần Minh T xin giảm nhẹ hình phạt; nội dung kháng cáo của bị cáo Trần Minh P yêu cầu xem xét lại tội danh, bị cáo cho rằng mình chỉ phạm tội che giấu tội phạm, không có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy cũng như đồng phạm giúp sức hoặc thu lợi gì với bị cáo T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Minh T xin rút kháng cáo, bị cáo Trần Minh P giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa phát biểu quan điểm đối với vụ án như sau:

- Về tố tụng, Hội đồng xét xử, những người tiến hành và tham gia tố tụng khác đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Về nội dung, sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử đối với bị cáo Trần Minh T, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Minh P, giữ nguyên Quyết định về tội danh đối với bị cáo Trần Minh P tại Bản án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Minh P tranh luận cho rằng hành vi của bị cáo T không phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” mà chỉ có dấu hiệu của tội “Che giấu tội phạm” quy định tại Điều 389 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận kháng cáo của bị cáo P.

Bị cáo Trần Minh P không tranh luận bổ sung gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo.

Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm về tội danh đối với bị cáo Trần Minh P tại Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Căn cứ vào Bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Minh T xin rút toàn bộ kháng cáo, việc rút kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 342; Điều 348; điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố

tụng hình sự, chấp nhận việc rút kháng cáo của bị cáo, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Trần Minh T.

Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Minh P là hợp lệ, trong thời hạn luật định, do vậy, Hội đồng xét xử, xét xử phúc thẩm đối với bị cáo P theo quy định của của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tóm tắt nội dung vụ án: Vào khoảng 10 giờ ngày 20/9/2022, một người đàn ông tên T4 (*không rõ lai lịch*) gọi điện thoại thuê Trần Minh T vận chuyển 07 “tầm” ma túy tổng hợp, với tiền công 10.000.000 đồng, bị cáo T đồng ý. Khoảng 21 giờ 40 phút cùng ngày, T điều khiển xe máy BKS 74C1-456.81 đến cầu K gặp 02 người đàn ông (*không rõ lai lịch*) để nhận ma túy theo như thỏa thuận trước đó. Nhận xong, trên đường di chuyển về nhà, T phát hiện có người theo dõi nên đến nhà Trần Minh P, tại: Số A, đường H, khu phố B, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị và đưa gói ma túy giấu vào chiếc sọt nhựa rồi đặt cạnh chân am thờ ở sân nhà P. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, do sợ bị phát hiện nên T điện thoại nói cho P biết là có cất gói “đồ” ở gần am thờ, nhờ P cất giữ. Một lúc sau, T lái xe đến nhà P và bảo P ra ngoài đường xem có ai theo dõi không, rồi T lấy gói ma túy đem vào phòng ngủ của P cất giấu để chờ T4 liên lạc giao ma túy. Sau đó, T ra về và nói với P “*tau cất gói đồ trong phòng á, giữ giùm tau với, đó tau lấy*”. Đến khoảng 22 giờ 50 phút cùng ngày, P bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang và thu giữ số ma túy trên. Theo kết luận giám định có khối lượng **4.279,34gam** là ma túy loại Methamphetamin.

Với tính chất hành vi và số lượng chất ma túy nêu trên, tại Bản án sơ thẩm đã áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250 của Bộ luật Hình sự, xét xử bị cáo Trần Minh T mức hình phạt Tử hình về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

[3]. Xem xét kháng cáo của bị cáo Trần Minh P, xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo P đã khai nhận về diễn biến hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xác định, xem xét lời khai của bị cáo P tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang (*bút lục 01,02*), các Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, Biên bản hỏi cung bị can của bị cáo Trần Minh P (*bút lục từ 301 đến 335*) cũng như lời khai của bị cáo T, vật chứng thu giữ, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, do lo sợ có người phát hiện ma túy mà T cất giấu tại sân nhà P nên T điện thoại cho P, nói cho P biết T có cất một gói “đồ” ở chiếc sọt nhựa gần am thờ trước sân nhà, nhờ P cất giữ giúp, sau khi nhận điện thoại, P đi ra khu vực am thờ trước sân nhà mình thì thấy một cái rổ nhựa màu xanh úp trên một gói ni lông màu đen, Phước ngủ và nhận biết đó là mùi đặc trưng của ma túy tổng hợp loại thường gọi là hồng phiến, nhưng không rõ số lượng. Sau khi kiểm tra, P quay vào phòng ngủ nằm chơi điện thoại, một lúc sau, T lái xe mô tô quay lại nhà P và bảo P đi ra ngoài đường xem có người nào theo dõi T không, P đồng ý và đi cảnh giới cho T, T đến vị trí am thờ lấy gói ma túy rồi đem vào phòng ngủ của P cất giấu vào một thùng giấy catton đựng áo quần. Sau đó, T đi ra ngoài sân nhà chờ P, khoảng 05 phút sau, P về, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH biển số 74C1-456.81 đi ra cổng và nói với P “*Tau cất gói đồ trong phòng á, giữ giùm tau với, đó tau lấy*”, rồi chạy xe đi, P biết T đã đưa gói ma túy tại am thờ cất giấu vào

trong phòng ngủ của P, sau đó, P vào phòng ngủ nằm chơi game. Đến khoảng 22 giờ 50 phút cùng ngày, lực lượng chức năng kiểm tra phát hiện bắt người phạm tội quả tang đối với P về hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, đồng thời thu giữ vật chứng của vụ án.

Với diễn biến như trên, cho thấy bị cáo Trần Minh P đã biết rõ gói hàng do T mang đến gửi ở sân nhà của P là chất ma túy, sau đó, P cũng biết việc T đưa ma túy vào cất giấu ở phòng ngủ của P, biểu hiện đồng tình của P là không phản đối các hành động của T, để cho T cất giấu ma túy ngay trong sân nhà, cũng như phòng ngủ của mình, đồng thời, P giúp T, làm theo yêu cầu của T là đi ra ngoài đường xem chừng có ai theo dõi T hay không, để T cất giấu ma túy ngay trong phòng ngủ của P, cho đến khi bị bắt quả tang, mặc dù, hành vi của P không trực tiếp cất giấu ma túy, nhưng việc đồng ý cho T cất giấu ma túy trong chỗ ở của mình, đi cảnh giới cho T cất giấu ma túy là đã có hành vi tàng trữ chất ma túy, về khối lượng tàng trữ, mặc dù, bị cáo P không nắm rõ, nhưng việc xác định khối lượng khi bắt giữ quả tang tại phòng ngủ của P là có cơ sở. Tuy nhiên, theo nhận thức của bị cáo P và Luận cứ của Luật sư bào chữa cho bị cáo P cho rằng, hành vi của bị cáo chỉ nhằm che dấu đối với hành vi của bị cáo T, không có hành vi tàng trữ, hoặc đồng phạm giúp sức hay thu lợi gì đối với số ma túy nói trên là không đúng, bởi lẽ, T đang thực hiện hành vi phạm tội thì P đã tạo điều kiện, thông nhất và cảnh giới cho T cất giấu ma túy, đồng tình với hành vi cất giấu ma túy, tại thời điểm đó hành vi của T cũng chưa bị xác định là tội phạm, chất ma túy cũng chưa được xác định là vật chứng, do vậy, kháng cáo của bị cáo, cũng như Luận cứ bào chữa cho bị cáo của Luật sư là không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố hành vi của bị cáo Trần Minh P phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật, quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Minh P là phù hợp.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Minh P, giữ nguyên Quyết định về tuyên bố tội danh đối với bị cáo Trần Minh P tại Bản án hình sự sơ thẩm.

[4]. Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Trần Minh P phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Các quyết định khác về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ 342; Điều 348; điểm a, đ khoản 1, Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Trần Minh T (*tức L*), phần Quyết định về hình phạt đối với bị cáo Trần Minh T tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2023/HS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ (29/12/2023). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm, bị cáo Trần Minh T có quyền gửi đơn lên Chủ tịch N để xin ân giảm hình phạt tử hình.

2. Không chấp nhận đơn kháng cáo về tội danh của bị cáo Trần Minh P, giữ nguyên Quyết định về tuyên bố tội danh đối với bị cáo Trần Minh P tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2023/HS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Tuyên bố bị cáo Trần Minh P (tức T2) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Trần Minh P (tức T2) 20 (hai mươi) năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 21/9/2022.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Trần Minh P, phải chịu 200.000 đồng án phí.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Chánh án TAND Tối cao;
- Viện trưởng VKSND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Trị;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Trị;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trương Công Thi**